

Thay lời tựa

Kinh Hoa-Nghiêm dạy : “Tội từ tâm sanh, nên phải đem tâm sám hối. Vọng tâm diệt rồi, tội lỗi liền tiêu”. Muốn hết tội lỗi, cần phải đem tâm thành chí thiết mà sám hối. Một khi đã thành tâm sám hối, không tội nào không diệt, không lỗi nào không tiêu. Bởi tâm Phật và tâm chúng sanh không sai khác. Mê là chúng sanh. Ngộ là Phật.

Vào thời vua Lương-Võ-Đế, tây lịch năm 502-549, vợ vua là bà Hy-Thị, con người tài sắc, nhưng tánh tình hẹp hòi đố kỵ ghen tương. Được vua yêu chiều, bà lại càng kiêu căng khinh thường cung phi mỹ nữ. Vua Lương-Võ-Đế là người hết sức sùng tín Tam-Bảo, xây cất chùa tháp, in kinh ấn tống, cúng dường Chư Tăng. Trong khi đó, Hy-Thị lại tỏ ra lơ là việc phước thiện công đức. Ý mình là Hoàng-hậu nhan sắc, xem nhẹ chư tăng. Sau khi chết, bà đọa làm con rắn mãng-xà, lúc lại làm yêu tinh thường vào cung điện phá phách.

Một hôm, vào đêm khuya tịch tịch, nhà vua một mình ở thư phòng trong chốn thâm cung,

đang ngồi lần trang kinh Phật nghiên cứu thì bỗng nghe tiếng khóc than ảo não. Nhà vua giật mình cất lớn tiếng hỏi : “Người là ai ? Đêm khuya tăm tối, cung điện nghiêm mật thế này, làm sao người vào được nơi đây ?” Có tiếng rên rĩ đáp : “Thiếp là Hy-Thị, Hoàng-hậu của vua, lúc còn sống, vì không biết cách ăn ở, nên sau khi tắt thở lìa trần, phải làm thân rắn mãng-xà, thân thể tanh hôi, vì vậy trùng dòi ngày đêm rúc rĩa, đau nhức đói khát không biết ngần nào ! Có lúc đọa làm loài yêu tinh ăn đồ như bần, phát phơ đói khổ bức bách, không nơi nương tựa. Xin Hoàng-đế nghĩ nghĩa sắt cầm năm xưa, thương cho phận thiếp, tìm phương cứu giúp. Lại một ngày nọ, đang lúc vua Lương-Võ-Đế nghỉ trưa ở điện Kim-Loan, thì một con rắn mãng-xà to tướng đang trườn mình trên trần nhà tiết ra mùi tanh hôi, đôi mắt chảy nước, hướng nhìn nhà vua với vẻ buồn thảm khẩn cầu cứu giúp. Vua Lương-Vô-Đế sợ nhớ tiếng thông than vô hình đêm trước, hiểu ý, liền cất tiếng : “Ta sẽ vì người mà lập đàn tràng sám hối. Người cũng phải khẩn thiết ăn năn, để cho tội diệt phước sanh, mới sẽ được thánh thiện hóa kiếp”. Nhà vua vừa dứt lời, mãng-xà tức thời phóng nhanh biến dạng.

Những việc vừa nghe thấy, khiến vua Lương-Võ-Đế cảm kích khiếp hãi nhân quả, động mỗi từ tâm ngậm ngùi, liền triệu thỉnh Thiên-sư Thích-Bảo-Chí, thời bấy giờ thường gọi là Chí-Công Hòa-Thượng, một vị cao tang đương thời, làm sám chủ. Hòa-Thượng Chí-Công cùng vua Lương-Võ-Đế đi khắp tìm cung thỉnh các bậc chân tăng vân tập về triều, vua sắc chỉ, căn cứ vào Kinh nghĩa Đại-Thừa, soạn ra nghi Sám-hối, để vì Hy-Thị thiết lễ đàn tràng sám-hối. Nhà vua đem hết tiền tài riêng của Hy-Thị và của mình ra thành tâm cúng dường chư tăng và bố thí người nghèo, đúc tượng, in kinh. Nhờ công đức chú nguyện của chư tăng trong đạo tràng Sám-pháp, cùng tâm chí thành khẩn thiết của nhà vua, đã cảm hóa chuyển nghiệp Hy-Thị được siêu độ.

Đàn tràng Sám-pháp vừa xong, rắn mãng-xà thoát kiếp, giải nghiệp yêu tinh, hiện nguyên hình Hoàng-hậu Hy-Thị, mặc thanh y đứng giữa hư không, cất tiếng vái chào tri ân chư tăng, cảm ơn bái biệt nhà vua, rồi bay về Thiên-giới. Từ đó, pháp Sám-hối này được truyền tụng ở đời, với tên là “Tứ-Bi Đạo-Tràng Sám-Pháp” hoặc còn gọi là “Lương-Hoàng-Sám”.

Trong thời mạt pháp, thế cuộc đổi thay, người đời phước mỏng tội dày, cầu mong ai nấy gần xa hướng về nẻo thiện, tu bồi phước đức, phát tâm thực hành pháp sám hối này để tội diệt phước sanh, thân tâm thanh tịnh, sớm thoát kiếp luân hồi, chóng về bến giác.

Kính xin Hòa-Thượng dịch giả từ bi vì lợi lạc kẻ mê tình, cho phép Phật-Học-Viện in quyển Sám Pháp này.

Cầu mong tất cả mọi người sớm thức tỉnh để sửa mình, ngõ hầu bước gần đến cảnh giới giải thoát của chư Phật, Bồ-tát.

Hoa-Kỳ, Vu-Lan Đinh Sửu - 1997

Tỳ-kheo Quê-Mùa

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

TIỂU DẪN

1/a. Tài liệu mà bản dịch này dùng, kể cả phần tiểu dẫn, là Đại-tạng-kinh bản Đại-chính-tán-tu, Tục-tạng-kinh bản chữ Vạn, và Đế-Nhàn đại-sư di-tập.

1/b. Đại-tạng-kinh có 100 quyển, tất cả mục lục đều theo số này, Phật-giáo Trung-Hoa in lại, có đóng một loại bình trang 200 sách, nhưng chỉ chia mỗi quyển ra hai sách và ghi ngoài bìa, không thay đổi gì ở trong. Ai có loại 200 sách ấy, hãy chia hai số ghi ngoài bìa là thành số quyển chính thức. Đại-tạng-kinh mỗi trang chia ra làm 3 khoảng, ta có thể ghi tắt t: trên – g : giữa – d : dưới. Như vậy, ký hiệu tắt về Đại-tạng-kinh mà tôi dùng, thí dụ, ĐT, 49, 348, có nghĩa trọn trang 348, quyển 49, của Đại-tạng-kinh ; ĐT, 49, 348-t, có nghĩa khoảng trên và khoảng dưới, trang 348, quyển 49, của Đại-tạng-kinh.

Tục-tạng-kinh thì tờ chứ không phải trang, và chỉ có 2 khoảng. Do đó, thí dụ ký hiệu TT, 49, 348-a là mặt trước, tờ 348, sách 49, của Tục-

tạng-kinh. Cũng xin nói thêm, Tục-tạng-kinh nguyên có 150 sáo, mỗi sáo có nhiều sách. Mục lục của Tục-tạng-kinh này nằm trong Đại-tạng-kinh, quyển thứ 2 của loại “pháp bảo tổng mục lục”, số hiệu chính ghi ngoài bìa là quyển 99 (hay 198 của loại 200 sách), gồm có các trang 509-560.

Theo mục lục này, nguyên 150 sáo của Tục-tạng-kinh chia ra 3 loại : Loại chính có 95 sáo (Mục lục trang 509-537) loại tiếp chữ giáp có 32 sáo (Mục lục trang 537-554) và loại tiếp chữ ất có 23 sáo (Mục lục trang 554-560). Nhưng khi Phật-giáo Trung-Hoa in lại thì 150 sáo này đóng thành 150 sách, đề số luôn từ 1 đến 150. Do đó, muốn tra mục lục, ta phải đánh số lại như vậy, tiếp theo sau số 95 của loại chính, mới tìm ra.

Sau hết Đê-Nhàn đại-sur di-tập thì, thí dụ ký hiệu ĐN, 8, 348, là trang 348 sách 8 của Đê-Nhàn đại-sur di-tập. Về số trang, sách này đánh 2 số : Số có vòng đơn là số riêng, ký hiệu ở đây không dùng. Ký hiệu ở đây chỉ dùng số chung ở dưới số riêng ấy.

2/a. Nguyên văn Lương-Hoàng-Sám mà bản dịch này căn cứ để chữa lại nằm trong Đại-tạng-kinh, mang số 1909, quyển 45, các trang 922-967. Bản giảng nghĩa dùng làm căn cứ là của ngài Đê-Nhàn (1858-1932), thuộc 2 sách số 8 và số 9 của bộ Đê-Nhàn đại-sư di-tập nói trên. Bản in lần thứ nhất (2513-1969) tôi dịch từ nguyên văn một ấn bản riêng, không có đối chiếu cẩn thận như Đại-tạng-kinh. Vả lại, khi in nửa chừng tôi mới nhớ đến bản giảng nghĩa của ngài Đê-Nhàn, nên chỉ chữa được nửa sau.

2/b. Bản in thứ nhất cũng không có phần Khai Kinh và phần Hồi-Hướng, nên có người phàn nàn là thiếu sót. Thật ra 2 phần này, đối với Lương-Hoàng-Sám thì hơi thừa. Vì ngay câu “mở đầu vận dụng” và lay 7 đức Phật đã là Khai Kinh. Rồi sau mỗi đoạn Sám-lễ, đã có liền lời phát nguyện hồi hướng. Tuy nhiên, sự tụng niệm càng nhiều càng tốt, miễn sao đừng quá rườm rà và thiếu duy nhất. Xét nghi thức cũ về Khai Kinh và Hồi-Hướng của Lương-Hoàng-Sám, đa số dung cho việc ứng phú. Nhưng đó là việc của các vị ứng phú, không phiên dịch hay chỉ dẫn, các vị ấy vẫn rành. Nay tôi chỉ trích dùng những gì mà đầu trì tụng bài sám cho mình hay cho người, trì tụng bài sám

để cầu an hay cầu siêu, đều nên dùng đến.

Có một chi tiết cần lưu ý, là trong sự trì tụng bái sám cho người, dầu để cầu an hay cầu siêu, đều phải tác bạch cho rõ ràng về tên của mình, cầu cho người tên gì và cầu việc gì. Phải tác bạch như vậy trước bài kệ khai kinh trong phần Khai Kinh và trước ba tụng qui-y trong phần Hồi-Hướng.

2/c. Bản in thứ nhất có cả 2 phần dịch âm và dịch nghĩa. Nay chữa lại, tôi quyết định bỏ phần dịch âm. Vì lẽ nếu ai tụng âm mà hiểu được thì người đó nhất định biết chữ Hán. Vậy người đó nên tụng thẳng chữ Hán vẫn hơn. Còn tụng âm không hiểu gì cả thì tốt hơn nên tụng nghĩa (ngoại trừ trường hợp tụng Kinh của Phật dạy).

Có nhiều trường hợp dầu tụng chữ Hán được mà không hiểu nghĩa, hoặc hiểu nghĩa mà không biết ý. Những người này nên đối chiếu dịch nghĩa với chữ Hán thì ý nghĩa có thể hiểu biết được. Cũng xin ghi thêm, phần dịch âm đã in, cũng như phần dịch nghĩa đã in, sai và sót khá nhiều. Nay chỉ chữa phần dịch nghĩa, vậy phần dịch âm ấy càng nên bỏ đi.

3/a. Lương-Hoàng-Sám nguyên tên là Từ-Bi Đạo-Tràng Sám-Pháp. Vì được viết vào đời Lương-Võ-Đế (463-549), lại có liên hệ với ông, nên thông thường gọi là Lương-Hoàng-Sám.

3/b. Tác giả Lương-Hoàng-Sám thì mục lục của Đại-tạng-kinh ghi là “các đại pháp sư đời Lương tập hợp biên soạn”. Nhưng trong Đại-tạng-kinh lại không ghi gì cả, chỉ chú thích số 3 ở dưới (ĐT, 45, 922) mới ghi bản Giáp có câu của mục lục. Phần tôi, cố gắng tra cứu trong nhiều tài liệu, cũng chỉ mới phỏng định câu ghi trên đây không sai lắm. Nhưng không hẳn chỉ các vị đại pháp-sư soạn, mà có lẽ Lương-Võ-Đế góp sức không ít. Lương-Hoàng-Sám nông hậu, chân thành, bác lãm, mà những điều này chính là văn khí của Lương-Võ-Đế.

3/c. Liên quan đến Lương-Võ-Đế, sử liệu đặc biệt phong phú, hấp dẫn và nhất trí. Nhất là 2 bộ Hoàng-Minh-Tập và Quảng-Hoàng-Minh-Tập (ĐT, 52, 1-361) chứa đựng văn kiện về sử liệu Lương-Võ-Đế nhiều và giá trị đến nỗi chỉ tra mục lục cũng đã thấy được hơn phân nửa. Ngoài ra, sử liệu về ông, còn thấy trong các tác phẩm sau đây : Lịch-Đại Tam-Bảo-Ký (ĐT,

49, 94-101) : Phật-Tổ Thống-Kỷ (ĐT, 49, 321-g/d ; 348-353) Phật-Tổ Lịch-Đại Thông-Tải (ĐT, 49, 540-554) : Thích-Thị Kê-Cổ (ĐT, 49, 794-802); Tam-Quốc Di-Sự (ĐT, 49, 958-d-959-t). Ông là nhà bác học, trước tác và diễn giảng về nội điển và ngoại điển, nhất là nội điển. Đặc biệt về khoa nghi Sâm-Đào, ông thỉnh cầu ngài Bảo-Xương soạn mà bắt gặp được, ít nhất là 5 bộ (ĐT, 49, 99-g), còn Thủy-Lục Đại-Trai thì do chính ông soạn đầu tiên (ĐT, 49, 321-g/d; 348-d; 795-t). Ông lo việc dân, việc nước, việc văn hóa nữa, chứ không vì trọng việc đạo mà lơ việc đời (ĐT, 49, 99-d – ĐT, 52, 111-d; 234-g/d). Nhưng ông thiết thực hành trì Bồ-Tát giới, trai giới và bái sám đến chết không bỏ (ĐT, 49, 99-d ; 351-d ; 552-g/d ; 544-g). Sử liệu trên đây cũng chỉ dẫn cho thấy sự việc và giải thích về cái chết của ông, đặc biệt là lời kết luận của sử quan Ngụy-Trung “ông sở trường về việc khó mà bất thông với việc dễ” đối với cái chết ấy (ĐT, 49, 552-g) thì sự tương truyền xưa nay nên vất bỏ. Quan trọng nhất là việc ăn chay của Phật-giáo Đại-thừa, đích thực do ông thực hiện lời huấn thị tối hậu của Phật (ĐT, 52, 293-303). Ông là “ông vua Bồ-Tát bất khả tư nghị”, nguyên ngữ của Phi-Trường-Phòng (ĐT, 49, 99-d).

Biệt chú. - *Pháp-Hòa, một Phật-tử cư sĩ, ẩn tu núi Thanh-Khê, dung sắc dị thường, thảo hạnh tuyệt đẳng. Hậu Cảnh, người gây ra cái chết cho Lương-Võ-Đế, khi mới qui hàng ông, Pháp-Hòa đã biết nhất định sẽ phản, nói cho Chu-Nguyên-Anh. Nhưng ông này không hiểu ý, (cũng như Lương-Vũ-Đế đã không hiểu ý, khi ngài Chí-Công chỉ hòng và cổ mà chữ Hán trùng âm Hậu-Cảnh – ĐT, 49, 348-g/d). Lúc Hậu-Cảnh phản, vây kinh thành, Nguyên-Anh cầu kế, Pháp-Hòa bảo hái trái phải đợi nó chín. Lúc Hậu-Cảnh tiến đánh Nguyên-Đế (con thứ 7 của Lương-Võ-Đế, bấy giờ đang là Tương-Đông-Vương), Pháp-Hòa xuất hiện, dẹp tan Hậu-Cảnh rồi, muốn bình định luôn Bắc-Ngụy (chính quyền cai trị Bắc-Bộ Trung-Hoa bấy giờ, đối diện với Nam-Lương). Nhưng Nguyên-Đế nghi sợ, không cho. Pháp-Hòa cười, nói, tôi không thiết chỗ ngôi của Phạn-Vương Đế-Thích, hưởng chi ngôi vị để chúa nhân gian. Tôi làm, là do chút nhân duyên với nhau từ đời Không-Vương-Phật. Nay nghi sợ là định nghiệp không đổi được rồi (ĐT, 49, 553-t ; 351-d).*

3/d. Chí-Công hay Bảo-Chí, là một bực thân kỳ nhất trong các vị cao tăng đời Lương-Võ-Đế. Trong sử liệu về Lương-Võ-Đế đương nhiên đã có Ngài, mà đặc biệt Cảnh-Đức truyền đăng lục cũng có truyện của Ngài, liệt kê Ngài đứng đầu trong các vị đạt giả của Thiên (ĐT, 51, 429-430). Cũng sách này, tác phẩm rất Thiên của Ngài (ĐT, 49, 544-d) được sao lục đủ cả (ĐT, 51, 449-451). Sám chủ của

Lương-Hoàng-Sám đúng là Ngài, vì Một, chính Ngài đã làm cho Lương-Võ-Đế hiền hậu (ĐT, 49, 544g ; 348-d) Hai, chính Ngài chỉ dẫn cho Lương-Võ-Đế soạn Thủy-Lục Đại-Trai (ĐT, 49, 321-g/d ; 795-t) Ba, Lương-Võ-Đế hỏi Ngài cách đối trị phiền não mê hoặc, Ngài đã nói đến sự tinh tiến liên tục, hàm nghĩa có sự bái sám (ĐT, 49, 544g – ĐT, 51, 430-t). Mặc dầu Ngài đã tiên tri thời gian Lương-Võ-Đế bị nạn và bị nạn vì ai (ĐT, 49, 348-g/d; 541-d).

3/e. Nguyên nhân Lương-Hoàng-Sám, tương truyền là để cầu sám cho Hy-Thị, vợ của Lương-Võ-Đế. Tương truyền này chưa tìm ra căn cứ, chỉ thấy nguyên lời tương truyền mà thôi (ĐT, 45, 922-g/d – ĐT, 49, 794-d). Tra cứu sử liệu của Lương-Võ-Đế về bà Hy-Thị, chỉ thấy ghi là người rất thông minh nhưng tính đố kỵ. Chết rồi hiện hình trần hay rồng. Lương-Võ-Đế sau đó không còn lập Hoàng-hậu nữa. Việc này xảy ra năm thứ hai niên hiệu Thiên-Giám. Năm sau, ngày mồng 8 tháng 4, Lương-Võ-Đế phát Bồ-đề tâm ; năm sau nữa, ngày rằm tháng 2, Lương-Võ-Đế, sau ba năm soạn xong Thủy-Lục Đại-Trai, đến chùa Kim-Son thiết đàn này ; và năm sau nữa, Lương-

Võ-Đế đích thân chú thích Kinh Đại-Bát-Nhã ; vân vân và vân vân (ĐT, 49, 544-d – 545-t ; 321-g). Nhưng tất cả việc này, cũng như mọi việc về sau, đều không thấy nói chỉ để cầu cho Hy-Thị, lại càng không thấy nói bà đã là động cơ. Vậy, trừ sự tương truyền mà trên đã chỉ dẫn xuất xứ, Lương-Hoàng-Sám quyết định không phải chỉ vì bà Hy-Thị mà có. Chứng cứ là khi hạ chiếu thỉnh cầu ngài Bảo-Xương soạn 5 bộ về khoa nghi Sám-Đạo, Lương-Võ-Đế nói rõ là vì dân vì nước (ĐT, 49, 99-g).

4/a. Nội dung Lương-Hoàng-Sám quả thật đặc biệt, đối với tất cả sám pháp sau sách ấy. Trước sách ấy, sám pháp cơ hồ chưa có. Điều đặc biệt đầu tiên là cái tên Từ-Bi Đạo-Tràng do mộng thấy Di-Lặc Thế-Tôn đặt cho. Rồi trong tất cả danh hiệu Phật và Bồ-Tát mà Lương-Hoàng-Sám lễ bái, danh hiệu Di-Lặc Thế-Tôn được đề lên trên hết. Cuối cùng, Lương-Hoàng-Sám nguyện cầu được cùng Di-Lặc Thế-Tôn sinh ra thế giới này, dự pháp hội đầu tiên của Ngài. Tâm nguyện này, về nhiều phương diện, quả thật đặc biệt.

4/b. Kế đó, so với các sám pháp khác, Lương-

Hoàng-Sám có 2 điểm nổi bật nhất, là sự tự mừng cho mình (chứ không nhằm chán bản thân) với văn khí và tình ý vô cùng khích lệ, và sự đề cao tâm nguyện làm “bồ-đề quyền thuộc” với nhau (chứ không nhằm chán kẻ khác), tâm nguyện này tràn đầy Lương-Hoàng-Sám, thiết tha thật là cao độ. Chính vì tâm nguyện này, phối hợp sự tự mừng trên, Lương-Hoàng-Sám làm cho con người rất phấn khởi về mình, chân thành xin lỗi và tha thứ cho nhau.

4/c. Nguyện làm Bồ-đề quyền thuộc với nhau, lại nguyện được cùng Di-Lặc Thế-Tôn sinh ra ở ngay thế giới này, thầy trò Lương-Võ-Đế quả muốn cùng nhau, trong giới Bồ-Tát và tâm Bồ-Đề, làm cái gì cho đời và đạo, theo gương A-Dục-Vương, người mà Lương-Võ-Đế đã đích thân bút thọ dịch kinh truyện của ông (ĐT, 49, 98-g/d). Đó mới là lý do đích thực của toàn bộ công việc cuộc đời Lương-Võ-Đế, trong đó có Lương-Hoàng-Sám, một bộ sách sánh vai với những bộ sách chắc chắn đã không tiền, mà có bộ còn khoáng hậu nữa, được viết bởi Lương-Võ-Đế đích thân hay thỉnh cầu, và cung cấp cho hành và giải của ông, chứ không phải chỉ viết để cho có sách.

KHAI KINH

CHÂN NGÔN LÀM SẠCH NGOẠI CẢNH

Án lam (7 lần).

CHÂN NGÔN LÀM SẠCH THÂN MIỆNG Ý

**Án sa phạ bà phạ, thuật đà sa phạ, đạt
ma sa phạ, bà phạ thuật độ hám** (3
lần).¹

¹ Thật ra không nhất thiết mỗi lần phải tụng 1 cuốn, mà có thể mở đầu và chấm hết ở các phẩm. Nghi thức khai kinh và hồi hướng dùng cho mỗi lần tụng như vậy.

Hương thơm giữ giới,
 Thiên định, tuệ giác,
 Hương thơm giải thoát,
 Cùng với hương thơm
 Giải thoát thấy biết,
 Làm thành đài mây
 Chói sáng rực rỡ,
 Bủa khắp pháp giới,
 Hiến cúng mười phương
 Các đấng vô thượng,
 Xứng với tự tánh
 Làm mọi việc Phật,
 Xông ướp chúng sinh
 Phát tâm bồ đề,
 Thoát bỏ vọng nghiệp,
 Thành vô thượng giác.²

Nam mô Hương Cúng Đường Bồ Tát, Ma Ha Tát (3 lần)

² Kết hợp 2 bài cúng hương thường dùng.

Đại từ đại bi
Thương xót chúng sinh,
Đại hỷ đại xả
Cứu vớt muôn loài,
Hào quang diệu tướng
Dùng tự trang nghiêm,
Chúng con chí thành
Qui y đảnh lễ.

Phật với chúng con
Tánh vốn thanh tịnh,
Nên sự cảm ứng
Thật bất tư nghị
Nhu những viên ngọc
Ảnh hiện với nhau,
Thập phương chư Phật
Ảnh hiện nơi con,
Thân con hiện trước
Thập phương chư Phật,
Con đem đầu mặt
Lạy sát chân Phật.

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương Chư phật, Tôn pháp, Hiền thánh tăng, thường trú Tam Bảo (1 lạy).

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Ta bà giáo chủ, Bốn sư Thích ca mâu ni phật, Đương lai Di Lạc tôn phật, Đại trí Văn thù sư lợi bồ tát, Đại hạnh Phổ hiền bồ tát, Linh sơn hội thượng Phật Bồ tát (1 lạy).

Chí tâm đảnh lễ: Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới, đại từ đại bi A di đà phật, Đại bi Quán Thế Âm bồ tát, Đại lực Đại thế chí bồ tát, Thanh tịnh đại hải chúng bồ tát (1 lạy).

Giọt nước trong sạch
 Đầu cành dương chi,
 Rưới thấm tất cả
 Toàn cõi tam thiên,
 Tự tánh chân không

Đức dụng đủ tám,
 Lợi ích hết thảy
 Nhân loại chư thiên,
 Làm cho pháp giới
 Thanh tịnh liên miên,
 Diệt trừ tội nghiệp,
 Sạch hết oan khiên,
 Lửa ngọn đở rục
 Biến thành sen hồng.

Nam mô Đại Bi Quán thế âm
Bồ Tát (3 lần).

CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại bi hội thượng Phật Bồ tát
(3 lần).

Thiên-thủ Thiên-nhãn vô ngại
đại-bi tâm đà-la-ni.

Nam mô hát ra đát na đát ra dạ
 da. Nam mô a rị da. Bà lô yết
 đế thước bát ra da. Bồ đề tát
 đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da.
 Ma ha ca rô ni ca da. Án. Tát
 bàn ra phạt duệ. Số đát na đát
 tả.

Nam mô tát cát lật đỏa y mông
 a rị da. Bà lô yết đế thất phạt ra
 lãng đà bà.

Nam mô na ra cần trì. Hê rị ma
 ha bàn đả sa mế. Tát bà a tha
 đậu du bằng. A thệ dụng. Tát
 bà tát đát na ma bà dà. Ma phạt
 đặc đậu. Đát diệt tha. Án. A bà
 lô hê, lô ca đế. Ca ra đế. Di hê
 rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà
 tát bà. Ma ra ma ra, ma hê ma
 hê rị đà dụng. Câu lô câu lô yết

mông. Độ lô độ lô phạt xà da
 đế, ma ha phạt xà da đế. Đà ra
 đà ra. Địa rị ni. Thất phạt ra
 da. Dá ra dá ra. Mạ mạ. Phạt
 ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê,
 thất na thất na. A ra sâm phạt
 ra xá lợi, phạt sa phạt sâm.
 Phạt ra xá da. Hô lô hô lô ma
 ra, hô lô hô lô hê rị. Sa ra sa ra.
 Tất rị tất rị. Tô rô tô rô. Bồ đề
 dạ bồ đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ.
 Di đế lệ dạ. Na ra cần trì. Địa lị
 sắt ni na. Ba dạ ma na, ta bà
 ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha
 tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du
 nghệ. Thất bàn ra dạ, ta bà ha.
 Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra
 na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a
 mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma

ha a tất đà dạ, ta bà ha. Giả cát
ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà
ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na
ra cần trì bàn đà ra da, ta bà
ha. Ma bà li thắng yết ra dạ, ta
bà ha.

Nam mô hát ra đát na đát ra dạ
da. Nam mô a li da, Bà lô cát
đế. Thước bàn ra dạ, ta bà ha.
Án tất điện đô, Mạn đả ra, Bạt
đà da, ta bà ha.

Kính lạy đức Thế Tôn,
Qui y các Phật đà,
Nay con phát đại nguyện,
Trì tụng Lương hoàng sám,
Trên trả bốn ân nặng,
Dưới giúp ba đường khổ.
Những người thấy nghe được,

Đều phát tâm bồ đề,
 Thực hành hạnh trí tuệ,
 Tập hợp mọi phước đức,
 Báo thân này kết thúc,
 Cùng sinh cõi Cực lạc.

(Nếu sám cho người, sám để cầu an hay cầu siêu, đều phải tác bạch rõ ràng ở đây, về tên mình, tên người mình cầu và cầu mục đích nào. Đại khái, đệ tử tên XX, nguyện sám theo Lương hoàng sám để cầu cho XX được thân tâm an lạc hay được vãng sinh tịnh độ).

Phật pháp tuyệt diệu,
 Cực kỳ cao xa,
 Trăm ngàn vạn kiếp,
 Khó mà gặp được;
 Nay con thấy nghe,
 Lại được thọ trì,
 Nguyện cầu thấu hiểu,
 Ý thật của Phật.

**Nam mô Bổn sư Thích Ca
 Mâu Ni Phật** (3 lần).

